

Số: /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng 11 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2025, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; đồng thời, ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025. Theo đó, từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, thành phố Đà Nẵng (trên cơ sở sáp nhập thành phố Đà Nẵng (cũ) và tỉnh Quảng Nam) chính thức hoạt động. Thành phố Đà Nẵng có 94 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 23 phường, 70 xã, 01 đặc khu), bỏ đơn vị hành chính cấp huyện).

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

- Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);

- Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (Nghị định số 66/2025/NĐ-CP);

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (Nghị định số 277/2025/NĐ-CP);

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định: *Trường phổ thông dân tộc bán trú được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú ăn, ở tại trường “cứ 45 học sinh bán trú thì được hưởng 01 định mức hỗ trợ là 4.738.500 đồng/tháng, số dư từ 20 học sinh bán trú trở lên được tính 01 định mức. Trường hợp có số lượng dưới 45 học sinh bán trú thì được tính 01 định mức. Thời gian được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học”;*

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định: *“Cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú (không bao gồm trường phổ thông dân tộc bán trú) được hỗ trợ các chính sách quy định tại các điểm b, c, đ khoản 2 Điều này”;*

Căn cứ điểm i khoản 4 Điều 7 Nghị định 66/2025/NĐ-CP quy định: *Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học được hưởng các chính sách “Được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh như sau: cứ 45 học sinh thì được hưởng 01 định mức hỗ trợ là 4.738.500 đồng/tháng, số dư từ 20 học sinh trở lên được tính 01 định mức. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 9 tháng/năm học”;*

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định 105/2020/NĐ-CP quy định về Chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn, theo đó: *Hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em “Kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú, tối thiểu bằng 2.400.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học”;*

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP quy định Chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất theo đó *“được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi trả cho nhân viên nấu ăn. Định mức chi trả được tính trên số lượng trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú, tối thiểu bằng 3.900.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học”;*

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi: *“Bảo đảm chế độ, chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non”;* *“Ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất”;*

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP quy định: UBND tỉnh *“...Ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất”;*

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định: *“Các chính sách tại Nghị định này được quy định ở mức tối thiểu. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành thêm chính sách hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên và cơ sở giáo dục ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này”;*

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP quy định: *“Bảo đảm kinh phí thực hiện đầy đủ các chính sách quy định tại Nghị định này; cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có khả năng cân đối ngân sách cao hơn mức chính sách quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất, trình hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định”.*

2. Cơ sở thực tiễn

Thành phố Đà Nẵng được sắp xếp từ tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng (cũ), trong quá trình rà soát, một số văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh tương đồng. Căn cứ chỉ đạo của UBND thành phố Đà Nẵng, Sở GDĐT đã gửi Sở Tư pháp xin ý kiến hồ sơ rà soát tại Công văn số Công văn số 1304/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 25/9/2025, đối với các Nghị quyết sau đây:

- Nghị quyết số 202/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2026.

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về Quy định kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về Quy định kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2026.

Sau khi nhận được ý kiến rà soát đối với 05 phiếu rà soát của Sở Tư pháp tại các Công văn số 2000/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2001/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2002/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2003/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2004 STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát, Sở GDĐT đã thực hiện tiếp thu ý kiến toàn diện, gửi hồ sơ rà soát đến Ban Pháp chế HĐND thành phố tại Công văn số 1968/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/10/2025.

Sở GDĐT đã nhận được Công văn số 162/HĐND-PC ngày 30/10/2025 của Ban Pháp chế HĐND thành phố về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trong đó thống nhất với kết quả rà soát và đề xuất xử lý kết quả rà soát của Sở

Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1968/SGDDĐTGDTrH&HSSV¹. Ban Pháp chế HĐND thành phố đề nghị Sở GDĐT tham mưu, đề xuất UBND thành phố có văn bản đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố gửi Thường trực HĐND thành phố xem xét, xử lý theo quy định.

Việc rà soát và thống nhất các quy định giữa hai địa phương sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính là cần thiết, vừa đảm bảo tính pháp lý, vừa tạo sự bình đẳng, thống nhất trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng, tránh gây hoang mang cho phụ huynh khi so sánh chính sách áp dụng giữa hai địa phương sau sáp nhập. Điều này không chỉ thể hiện trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc chăm lo cho thế hệ trẻ mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách vùng miền, hạn chế tình trạng bỏ học, tạo điều kiện cho trẻ em mầm non, học sinh yếu thể có cơ hội phát triển toàn diện, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới.

Vì lí do nêu trên, cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích ban hành

Cụ thể hóa quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; khoản 5 Điều 26 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP. Bảo đảm việc ban hành quy định về chính sách cho trẻ em mầm non, học sinh, học viên người dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên khuyết tật và cơ sở giáo dục có trẻ em mầm non, học sinh hưởng chính sách ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đồng bộ trong triển khai, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của tình hình kinh tế - xã hội.

Đây là nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường niềm tin của xã hội đối với chính sách giáo dục.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo

Bảo đảm thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

¹ Công văn số 1968/SGDDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến về kết quả rà soát Nghị quyết số 202/1018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND.

Bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan và công bằng. Phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội sau sắp xếp đơn vị hành chính, phản ánh đúng thực tiễn, tính khả thi trong tổ chức triển khai.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Sở GDĐT ban hành Công văn 1304/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 25/9/2025 về việc xin ý kiến rà soát gửi Sở Tư pháp đối với các Nghị quyết: 202/2018/NQ-HĐND, 27/2021/NQ-HĐND, 07/2024/NQ-HĐND, 08/2022/NQ-HĐND, 23/2023/NQ-HĐND. Theo đó, Sở Tư pháp có các văn bản số Công văn số 2000/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2001/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2002/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2003/STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát; Công văn số 2004 STP-XDKTVB ngày 23/10/2025 về góp ý kết quả rà soát, Sở GDĐT đã thực hiện tiếp thu ý kiến toàn diện, gửi hồ sơ rà soát đến Ban Pháp chế HĐND thành phố tại Công văn số 1968/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/10/2025.

Sở GDĐT đã nhận được Công văn số 162/HĐND-PC ngày 30/10/2025 của Ban Pháp chế HĐND thành phố về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trong đó thống nhất với kết quả rà soát và đề xuất xử lý kết quả rà soát của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1968/SGDĐTGDTrH&HSSV. Ban Pháp chế HĐND thành phố đề nghị Sở GDĐT tham mưu, đề xuất UBND thành phố có văn bản đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố gửi Thường trực HĐND thành phố xem xét, xử lý theo quy định.

Sở GDĐT đã xây dựng Tờ trình số 2074/TTr-SGDĐT ngày 05/11/2025 của Sở GDĐT về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Sở GDĐT có Công văn số 2198/SGDĐT-VP ngày 12/11/2025 về việc đề xuất lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật được giao quy định chi tiết gửi Sở Tư pháp theo chỉ đạo tại Cuộc họp do Phó Chủ tịch UBND thành phố Trần Anh Tuấn chủ trì.

Ngày ... tháng ... năm 2025, UBND thành phố đã có Tờ trình số/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngày ... tháng ... năm 2025, HĐND thành phố đã có Công văn số /HĐND-VHXXH ngày / /2025 về việc thông báo ý kiến của Thường trực HĐND thành phố đối với Tờ trình số /TTr-UBND.

Ngày ... tháng ... năm 2025, Sở GDĐT có Công văn số ... /SGDĐT-GDTrH&HSSV đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng và các Sở, ngành thành phố có ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngày ... tháng ... năm 2025, Sở GDĐT có Công văn số ... /SGDĐT-GDTrH&HSSV đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết và hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngày ... tháng ... năm 2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số ... /BC-STP về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết và hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngày ... tháng ... năm 2025, Sở GDĐT có Tờ trình số .../TTr-SGDĐT tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngày ... tháng ... năm 2025, UBND thành phố có Tờ trình số .../TTr-UBND trình HĐND thành phố dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngày ... tháng... năm 2025, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND thành phố họp thẩm tra Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND thành phố.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

a. Quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b. Quy định mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

c. Quy định hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và các cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

2. Đối tượng áp dụng

a. Trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố không được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

b. Trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố, gồm: Trẻ nhà trẻ thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; trẻ mẫu giáo thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định 105/2020/NĐ-CP và khoản 1, Điều 6 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

c. Học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố không được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

d. Học sinh phổ thông là người khuyết tật đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố không được hưởng chính sách học bổng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc quy định chính sách về giáo dục đối với học sinh người khuyết tật.

đ. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật đang theo học trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

e. Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non là đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

f. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú là đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

3. Bố cục của dự thảo văn bản

Nghị quyết có 6 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

4. Tên văn bản

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

5. Nội dung cơ bản

Quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn lực thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước.

2. Điều kiện đảm bảo thi hành sau khi văn bản được thông qua: Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo chỉ đạo của UBND thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện.

3. Thời điểm thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình thông qua dự thảo Nghị quyết vào phiên họp cuối năm 2025 của HĐND thành phố.

Ủy ban nhân dân kính trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên

khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Xin gửi kèm theo:

- Dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo Báo cáo tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Nam: Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 và Điều 4, 5 Nghị quyết số 202/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố Đà Nẵng.

- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

- Bảng Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, PCT, UV UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Ban PC HĐND thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, DT&TG, GD&ĐT; Nội vụ, KH&CN;
- VPUB: CVP, PCVP, KGVX;
- Lưu VT, TH, KGVX, GD&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN